

Số: 156/2020/QĐST-HNGĐ

Lấp Vò, ngày 29 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 206/2020/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 191, ấp T, xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Ấp Q, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: Số 191, ấp T, xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Hoàng T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Hoàng T1 tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Trần Tâm T2, sinh ngày 16/9/2012 và Nguyễn Trần Tâm N, sinh ngày 24/12/2019 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng (Cháu

Nguyễn Trần Tâm T2 và Nguyễn Trần Tâm N hiện đang do chị T và anh T1 nuôi dưỡng).

Chị Trần Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng T1 có nghĩa vụ đóng góp (Cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu Nguyễn Trần Tâm T2 và Nguyễn Trần Tâm N.

Chị Trần Thị T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Hoàng T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3. Về chia tài sản: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Hoàng T1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Hoàng T1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Trần Thị T tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số BI/2019/ 0005553, ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV. Chị T được nhận lại tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- UBND xã B;
- (GCNKH số 144 ngày ĐK 16/10/2012)
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

(Đã ký)

Trần Văn Kiến